

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU SÔNG BÉ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01 /CSSB - KTTC
Vv: Công bố thông tin Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và các tài liệu kèm theo

Chon Thành, ngày 27 tháng 4 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG
KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÔNG BÉ.**
- Mã chứng khoán: SBR
- Địa chỉ trụ sở chính: ĐT751, tổ 8, khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chon Thành, tỉnh Bình Phước.
- Điện thoại: 02713640502; Fax: 02713667260;
- Website: www.caosusongbe.vn

II. NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Họ và tên: Huỳnh Quang Vĩnh.
- Địa chỉ: Phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
- Số điện thoại: 0913880074.

III. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ngày 27/4/2023 Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé xin công bố thông tin Biên bản, Nghị quyết và các tài liệu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (được đính kèm theo Bản Công bố thông tin này)

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 27/4/2023 tại website của Công ty: www.caosusongbe.vn

Chúng tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Lưu VT, KTTC.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Huỳnh Quang Vinh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU SÔNG BÉ**
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
Số: C1/BB-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Chon Thành, ngày 27 tháng 04 năm 2023

BIÊN BẢN HỌP
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé

Hôm nay ngày vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 27/04/2023, tại Hội trường Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé, Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Thành phần tham dự gồm có: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé, Các Sở Ban ngành tỉnh Bình Phước.

Diễn tiến Đại hội đồng cổ đông đã được thực hiện như sau:

I. Nghi thức, thủ tục tiến hành Đại hội

1. Chào cờ, tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu.
2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông

Ông Phan Trung Dũng - Trưởng ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo tại Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, tại thời điểm khai mạc (08h30 phút), Đại hội đủ điều kiện tiến hành theo quy định của Pháp luật hiện hành với cơ cấu cổ đông như sau:

- Tổng số cổ đông là: 680 cổ đông, nắm giữ 81.396.192 cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số cổ đông tham dự đại hội là: 133 người.

Trong đó:

+ Số Cổ đông tham dự trực tiếp là 71 Cổ đông, đại diện cho 79.807.729 cổ phần, chiếm 98,048% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Số Cổ đông ủy quyền là 62 Cổ đông, đại diện cho 139.654 cổ phần, chiếm 0,17% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại diện cho quyền sở hữu 79.947.383 cổ phần, bằng 98,22% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành thì Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé đủ điều kiện tiến hành.

3. Giới thiệu Đoàn Chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách Đại biểu và Ban kiểm phiếu:



- Đoàn chủ tọa gồm có 3 người:

- (1) Ông Thái Công Cần - Chủ tịch Công ty - Chủ tọa Đại hội;
- (2) Ông Nguyễn Đông Dân - Tổng Giám đốc Công ty - Thành viên;
- (3) Ông Huỳnh Quang Vĩnh - Kế toán trưởng - Thành viên;

- Thư ký Đại hội 2 người:

- (1) Ông Lê Văn Tùng - Bí thư Đoàn thanh niên Công ty.
- (2) Bà Huỳnh Thị Thùy Dung - Cán bộ chuyên trách công đoàn - p. Bí thư

ĐTN.

- Ban kiểm tra tư cách Đại biểu:

(1) Ông Phan Trung Dũng - Phó phòng Kế toán tài chính Công ty - Trưởng ban.

(2) Ông Trần Văn Cương - Phó phòng Kế hoạch- kinh doanh Công ty- Thành viên.

- Ban kiểm phiếu:

- (1) Ông Nguyễn Minh Thiện - Trưởng Phòng Tổ chức - Trưởng ban;
- (2) Ông Nguyễn Việt Dũng - Nhân viên Phòng KTTC - Thành viên;
- (3) Ông Lê Nhật Tài - Nhân viên Phòng KHKD- Thành viên;

Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tọa, Thư ký, Ban kiểm tra tư cách Đại biểu, Ban Kiểm phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ 100% cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết.

II. Nội dung làm việc của Đại hội

1. Ông Huỳnh Quang Vĩnh thông qua nội dung Chương trình Đại hội và đã được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết.

2. Thông qua dự thảo Quy chế làm việc của Đại hội và đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết.

3. Ông Nguyễn Đông Dân - Tổng Giám đốc trình bày Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và phương hướng năm 2023 với một số chỉ tiêu chính như sau:

Thực hiện năm 2022

Tổng sản lượng sản lượng mỏ khai thác đại điền: 5.998 tấn/5.600 tấn, đạt 107,10% so với kế hoạch giao khoán đầu năm.

- Tổng sản lượng chế biến: 6.615 tấn /6.190 tấn, đạt 106,86% trong đó:

+ Sản lượng chế biến đại điền: 5.529 tấn/5.190 tấn, đạt 106,53%

- + Sản lượng thu mua tiêu điền: 1.086 tấn /1.000 tấn, đạt 108,60%
- Giá bán mù cao su bình quân trong năm 35,765 triệu đồng/tấn (đạt 96,66% so với kế hoạch 37 triệu đồng/tấn).
- Giá thành mù cao su đại điền bình quân 34,844 triệu đồng/tấn (đạt 99,56% so với kế hoạch 35 triệu đồng/tấn).
- Tổng doanh thu và thu nhập khác 394,581 tỷ đồng (đạt 123,30% so với kế hoạch 320 tỷ đồng).
- Tổng lợi nhuận đạt 47,481 tỷ đồng (đạt 118,70% so với kế hoạch 40 tỷ đồng).
- Tổng thuế và các khoản đã nộp ngân sách 60,491 tỷ đồng (đạt 241,97% so với kế hoạch 25 tỷ đồng).

4. Ông Thái Công Cần - Chủ tịch HĐQT Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị.

5. Bà Trần Thị Ngọc Liên - Trưởng Ban kiểm soát Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022.

6. Đại hội thông qua các tờ trình

- Ông Huỳnh Quang Vĩnh - Kế toán trưởng Công ty - thành viên HĐQT thông qua các tờ trình:

(1) Tờ trình bày Báo cáo tài chính (đã được kiểm toán) năm 2022 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUS) theo tờ trình số 01/TTr- CSSB-HĐQT ngày 19/04/2023 của HĐQT với một số chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2022	01/01/2022
I. Tổng tài sản	270-BCĐKT	1.002.920.325.099	1.029.099.914.448
1. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	375.058.019.915	258.879.588.461
2. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	627.862.305.184	770.220.325.987
II. Tổng nguồn vốn	440-BCĐKT	1.002.920.325.099	1.029.099.914.448
1. Nợ phải trả	300-BCĐKT	188.958.405.099	215.137.994.448
1.1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	177.331.102.717	195.510.692.066
Trong đó: Nợ quá hạn		0,00	0,00
1.2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT	11.627.302.382	19.627.302.382
2. Vốn Chủ sở hữu	400-BCĐKT	813.961.920.000	813.961.920.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	410-BCĐKT	813.961.920.000	813.961.920.000

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2022	01/01/2022
III. Kết quả kinh doanh		Năm 2022	2021
1. Tổng doanh thu	Triệu đồng	394.581.268.768	421.438.924.313
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10-BCKQKD	246.933.399.128	251.545.645.321
- DT hoạt động tài chính	21-BCKQKD	18.343.076.587	14.303.977.309
- Thu nhập khác	31-BCKQKD	129.304.793.053	155.589.301.683
2. Tổng chi phí		347.100.097.081	367.920.342.294
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	47.481.171.687	53.518.582.019
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60-BCKQKD	39.194.118.121	43.732.222.615

(2) Tờ trình số 02/TTr-CSSB-HĐQT ngày 19/04/2023 của Hội đồng quản trị về việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2022, được phân phối như sau:

Đơn vị tính: đồng

Các chỉ tiêu	Số tiền
1. Vốn điều lệ (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp ngày 10/10/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, gồm 81.396.192 cổ phần), trong đó:	813.961.920.000
a) Vốn Nhà nước (79.242.696 cổ phần, chiếm 97,354%):	792.426.960.000
b) Vốn Nhà đầu tư (2.153.496 cổ phần, chiếm 2,646%):	21.534.960.000
2. Phân phối lợi nhuận còn lại sau thuế thu nhập doanh nghiệp (theo Báo cáo kiểm toán độc lập năm 2022):	39.194.118.121
a) Quỹ khen thưởng và phúc lợi của người lao động (Trích 2,668 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động theo khoản 1 Điều 18 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội):	28.254.172.000
b) Quỹ thưởng của người quản lý công ty (Trích 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty theo khoản 2 Điều 18 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội):	358.440.000

Các chỉ tiêu	Số tiền
c) Trả cổ tức (theo Điều 135 Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020, gồm:	10.581.505.121
- Trả cổ tức vốn Nhà nước nộp ngân sách tỉnh chiếm 97,354%	10.301.551.610
- Trả cổ tức vốn Nhà đầu tư chiếm 2,646%	279.954.511
e) Mức trả cổ tức:	130 đồng/cổ phần

(3) Tờ trình ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 theo Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 19/4/2023, lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.

- Ông Nguyễn Đông Dân thông qua các tờ trình như sau:

(1) Thông qua tờ trình số 04/TTr-CSSB-HĐQT ngày 17/04/2023 về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Hội đồng quản trị với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
1	Diện tích vườn cây kinh doanh	ha	3.966,23
2	Diện tích vườn cây KTCB	ha	381,92
3	Tổng Sản lượng chế biến đại điền	tấn	5.470
4	Tổng sản lượng chế biến tiểu điền	tấn	1.000
5	Sản lượng tiêu thụ	tấn	6.400
6	Giá bán bình quân	Đồng/tấn	37.000.000
7	Giá thành bình quân đại điền	Đồng/tấn	35.000.000
8	Tổng doanh thu	Đồng	320.000.000.000
9	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	40.000.000.000
10	Tiền lương bình quân/người/tháng	Đồng	7.500.000
11	Thu nhập bình quân/người/tháng	Đồng	8.000.000
12	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn điều lệ	Hệ số	0,0491

(2) Thông qua Báo cáo thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2023 theo Tờ trình số 05/TTr-CSSB-HĐQT ngày 19/04/2023 của Hội đồng quản trị.

Năm 2022: Tổng quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm trong năm 2022 là: 2.795.520.000 đồng.

+ Kế hoạch chi trả năm 2023:

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: Trả lương theo Nghị định của Bộ LĐTBXH hướng dẫn về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước và tình hình thực tế sản xuất kinh doanh tại Công ty.

+ Đề xuất Quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 là: **2.795.520.000** đồng.

7. Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung:

Nội dung biểu quyết	Tán thành (%)	Không tán thành (%)	Không có ý kiến (%)
1. Thông qua báo cáo hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé.	100	0	0
2. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị.	100	0	0
3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát.	100	0	0
4. Thông qua Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2022.	100	0	0
5. Thông qua Tờ trình việc Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2022.	100	0	0
6. Thông qua Tờ trình ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo năm 2023.	100	0	0
7. Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.	100	0	0
8. Thông qua mức chi trả tiền lương, thù lao, HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát năm 2022 và Kế hoạch chi trả năm 2023.	100	0	0

8. Đọc và biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội:

Thư ký Đại hội trình bày nội dung Biên bản và Dự thảo Nghị quyết của Đại hội.

Đại hội tiến hành biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị

quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

9. Bế mạc Đại hội

Đại hội đồng cổ đông kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

Biên bản được lập thành 03 bản, lưu Hồ sơ văn kiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 tại Công ty Cổ phần 01 bản, lưu Văn phòng 01 bản, lưu Ban Thư ký 01 bản.

Biên bản là cơ sở để lập Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 bằng văn bản và sẽ được công bố toàn văn trên website của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé để thông báo đến toàn thể Cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI


Le Văn Tung

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHỦ TỌA ĐẠI HỘI




Thái Công Cần

Nơi nhận:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch CK Hà Nội;
- HĐQT, TGD, BKS;
- Cổ đông;
- Lưu: VT, thư ký.



CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU SÔNG BÉ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Chon Thành, ngày 27 tháng 04 năm 2023

Số. 1/NQ-CSSB-ĐHĐCD

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÔNG BÉ

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020 của Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-CSSB-HĐQT ngày 04/07/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé số. 1/BB-ĐHĐCD ngày 27/04./2023.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé được tổ chức vào lúc 08h 30 ngày 27/04/2023, tại Hội trường Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé, Đường ĐT751, Tổ 8, Khu phố 3, Phường Minh Thành, thị xã Chon Thành, tỉnh Bình Phước, với sự tham dự của 133 Cổ đông, tương ứng với 79.947.383 cổ phần, chiếm 98,22% vốn Điều lệ Công ty Cổ phần cao su Sông Bé, Đại hội đã thảo luận và thông qua các nội dung sau đây:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Chấp thuận Báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2022 gồm các chỉ tiêu chính sau:

- Tổng sản lượng sản lượng mù khai thác đại điền: 5.998 tấn/5.600 tấn, đạt 107,10% so với kế hoạch giao khoán đầu năm.
- Tổng sản lượng chế biến: 6.615 tấn /6.190 tấn, đạt 106,86% trong đó:
 - + Sản lượng chế biến đại điền: 5.529 tấn/5.190 tấn, đạt 106,53%
 - + Sản lượng thu mua tiểu điền: 1.086 tấn /1.000 tấn, đạt 108,60%
- Giá bán mù cao su bình quân trong năm 35,765 triệu đồng/tấn (đạt 96,66% so với kế hoạch 37 triệu đồng/tấn).

- Giá thành mù cao su đại diện bình quân 34,844 triệu đồng/tấn (đạt 99,56% so với kế hoạch 35 triệu đồng/tấn).

- Tổng doanh thu và thu nhập khác 394,581 tỷ đồng (đạt 123,30% so với kế hoạch 320 tỷ đồng).

- Tổng lợi nhuận đạt 47,481 tỷ đồng (đạt 118,70% so với kế hoạch 40 tỷ đồng).

- Tổng thuế và các khoản đã nộp ngân sách 60,491 tỷ đồng (đạt 241,97% so với kế hoạch 25 tỷ đồng).

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán bởi Công ty Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUS) theo tờ trình số 01/TTr- CSSB-HĐQT ngày 19/04/2023 của Hội đồng quản trị.

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2022	01/01/2022
I. Tổng tài sản	270-BCĐKT	1.002.920.325.099	1.029.099.914.448
1. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	375.058.019.915	258.879.588.461
2. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	627.862.305.184	770.220.325.987
II. Tổng nguồn vốn	440-BCĐKT	1.002.920.325.099	1.029.099.914.448
1. Nợ phải trả	300-BCĐKT	188.958.405.099	215.137.994.448
1.1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	177.331.102.717	195.510.692.066
Trong đó: Nợ quá hạn		0,00	0,00
1.2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT	11.627.302.382	19.627.302.382
2. Vốn Chủ sở hữu	400-BCĐKT	813.961.920.000	813.961.920.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	410-BCĐKT	813.961.920.000	813.961.920.000
III. Kết quả kinh doanh		Năm 2022	2021
1. Tổng doanh thu	Triệu đồng	394.581.268.768	421.438.924.313
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10-BCKQKD	246.933.399.128	251.545.645.321
- DT hoạt động tài chính	21-BCKQKD	18.343.076.587	14.303.977.309
- Thu nhập khác	31-BCKQKD	129.304.793.053	155.589.301.683
2. Tổng chi phí		347.100.097.081	367.920.342.294
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	47.481.171.687	53.518.582.019

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2022	01/01/2022
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60-BCKQKD	39.194.118.121	43.732.222.615

Điều 5. Thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2022 Tờ trình số 02/TTr-CSSB-HĐQT ngày 19/04/2023 của Hội đồng quản trị như sau:

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận còn lại sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39.194.118.121
1.1	Quỹ khen thưởng và phúc lợi của người lao động (Trích 2,668 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động theo khoản 1 Điều 18 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội)	28.254.172.000
1.2	Quỹ thưởng của người quản lý công ty (Trích 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty theo khoản 2 Điều 18 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội)	358.440.000
1.3	Trả cổ tức (theo Điều 135 Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020), gồm:	10.581.505.121
	- Trả cổ tức vốn Nhà nước nộp ngân sách tỉnh chiếm 97,354%	10.301.551.610
	- Trả cổ tức vốn Nhà đầu tư chiếm 2,646%	279.954.511
1.4	Mức trả cổ tức	130 đồng/CP

004
NG T
PHÍ
AO S
ĐNG
THÀNH

Điều 6. Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

Thông qua đề xuất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt theo Tờ trình số 03/TTr-CSSB-HĐQT ngày 19/04/2023 của Hội đồng quản trị và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé chọn Công ty kiểm toán theo tờ trình, để Tổng giám đốc ký Hợp đồng kiểm toán với Công ty kiểm toán.

Điều 7. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 theo tờ trình số 04/TTr-CSSB-HĐQT ngày 17/04/2023 của Hội đồng quản trị với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
1	Diện tích vườn cây kinh doanh	ha	3.966,23
2	Diện tích vườn cây KTCB	ha	381,92
3	Tổng Sản lượng chế biến đại điền	tấn	5.470
4	Tổng sản lượng chế biến tiểu điền	tấn	1.000
5	Sản lượng tiêu thụ	tấn	6.400
6	Giá bán bình quân	trđ/tấn	37
7	Giá thành bình quân đại điền	Đồng/tấn	35.000.000
8	Tổng doanh thu	Đồng	320.000.000.000
9	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	40.000.000.000
10	Tiền lương bình quân/người/tháng	Đồng	7.500.000
11	Thu nhập bình quân/người/tháng	Đồng	8.000.000
12	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn điều lệ	Hệ số	0,0491

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chỉ đạo và quyết định tất cả các vấn đề phát sinh liên quan trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Cao Sông Bé đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 8. Thông qua Báo cáo thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2023 theo Tờ trình số 05/TTr-CSSB-HĐQT ngày 19/04/2023 của Hội đồng quản trị như sau:

- Tổng quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm trong năm 2022 là: 2.795.520.000 đồng.

- Đề xuất Quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 là: 2.795.520.000 đồng.

Điều 9. Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé biểu quyết thông qua (ngày 27/04/2023)./.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và toàn thể cổ đông của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé chịu trách nhiệm thi hành Nghị

quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cao su Sông Bé.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở giao dịch CK Hà Nội;
- Cổ đông Cty;
- HĐQT, BKS;
- Website Cty
- Lưu VP.

**TM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Thái Công Cần



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU SÔNG BÉ**
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
Số: 01 /TTr-CSSB-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Chon Thành, ngày 14. tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào luật chứng khoán ngày 26/11/2019 của Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-CSSB-HĐQT ngày 04/07/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUS).

Căn cứ Công văn số 911/ UBND-TH ngày 20/03/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé.

Thực hiện điểm b khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và điểm b khoản 2 Điều 22 Quyết định số 34/QĐ-CSSB-HĐQT: Đại hội đồng cổ đông có quyền " thông qua Báo cáo tài chính hàng năm ".

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé như sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán, gồm:

- Bảng cân đối kế toán - Mẫu số B01-DN.
- Báo cáo kết quả kinh doanh - Mẫu số B02-DN.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu số B03-DN.
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính - Mẫu số B09-DN.

(Kèm theo Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán)

2. Một số chỉ tiêu chính của Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán:

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2022	01/01/2022
I. Tổng tài sản	270-BCĐKT	1.002.920.325.099	1.029.099.914.448
1. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	375.058.019.915	258.879.588.461
2. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	627.862.305.184	770.220.325.987
II. Tổng nguồn vốn	440-BCĐKT	1.002.920.325.099	1.029.099.914.448
1. Nợ phải trả	300-BCĐKT	188.958.405.099	215.137.994.448
1.1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	177.331.102.717	195.510.692.066
Trong đó: Nợ quá hạn		0,00	0,00
1.2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT	11.627.302.382	19.627.302.382
2. Vốn Chủ sở hữu	400-BCĐKT	813.961.920.000	813.961.920.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	410-BCĐKT	813.961.920.000	813.961.920.000
III. Kết quả kinh doanh		Năm 2022	2021
1. Tổng doanh thu	Triệu đồng	394.581.268.768	421.438.924.313
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10-BCKQKD	246.933.399.128	251.545.645.321
- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	18.343.076.587	14.303.977.309
- Thu nhập khác	31-BCKQKD	129.304.793.053	155.589.301.683
2. Tổng chi phí		347.100.097.081	367.920.342.294
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	47.481.171.687	53.518.582.019
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60-BCKQKD	39.194.118.121	43.732.222.615

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Chái Công Cần

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU SÔNG BÉ**
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
Số: 02./TTr-CSSB-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Chon Thành, ngày 11 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH
**Về việc thông qua phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức
cổ tức năm 2022 của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé.

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-CSSB-HĐQT ngày 04/07/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé;

Căn cứ Công văn số 911/ UBND-TH ngày 20/03/2023 của UBND tỉnh về việc cho ý kiến về việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2022 của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé.

Thực hiện điểm e khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và điểm e khoản 2 Điều 22 Quyết định số 34/QĐ-CSSB-HĐQT: Đại hội đồng cổ đông có quyền "Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức đối với mỗi cổ phần hằng năm".

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức năm 2022 của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé như sau:

Đơn vị tính: đồng

Các chỉ tiêu	Số tiền
1. Vốn điều lệ (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp ngày 10/10/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, gồm 81.396.192 cổ phần), trong đó:	813.961.920.000
a) Vốn Nhà nước (79.242.696 cổ phần, chiếm 97,354%):	792.426.960.000
b) Vốn Nhà đầu tư (2.153.496 cổ phần, chiếm 2,646%):	21.534.960.000

Các chỉ tiêu	Số tiền
2. Phân phối lợi nhuận còn lại sau thuế thu nhập doanh nghiệp (theo Báo cáo kiểm toán độc lập năm 2022):	39.194.118.121
a) Quỹ khen thưởng và phúc lợi của người lao động (Trích 2,668 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động theo khoản 1 Điều 18 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội):	28.254.172.000
b) Quỹ thưởng của người quản lý Công ty (Trích 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty theo khoản 2 Điều 18 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội):	358.440.000
c) Trả cổ tức (theo Điều 135 Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020, gồm:	10.581.505.121
- Trả cổ tức vốn Nhà nước nộp ngân sách tính chiếm	97,354% 10.301.551.610
- Trả cổ tức vốn Nhà đầu tư chiếm	2,646% 279.954.511
e) Mức trả cổ tức:	130 đồng/cổ phần

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Thái Công Cần

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU SÔNG BÉ**
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Chon Thành, ngày 14 tháng 04 năm 2023

Số: 03/Tr-CSSB-HĐQT

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé.

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020 của Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-CSSB-HĐQT ngày 04/07/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé.

Thực hiện điểm m khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều 22 Quyết định số 34/QĐ-CSSB-HĐQT: Đại hội đồng cổ đông có quyền "phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập".

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé như sau:

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt

- Địa chỉ: Số 33 Phan Văn Khỏe, Phường 13, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh.
- Mã số thuế: 0303128175.
- Điện thoại: 028 39990091; Fax: 028 39990090.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Chức Công Bàn

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023
của Công ty Cổ phần cao su Sông Bé

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 của Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-CSSB-HĐQT ngày 04/07/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé;

Căn cứ Công văn số 31/UBND-TH ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh về việc ý kiến về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé.

Thực hiện điểm a khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020 và điểm a khoản 2 Điều 23 Quyết định số 34/QĐ-CSSB-HĐQT: Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua "Kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty".

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
I. Sản lượng	x	x
1. Sản lượng sản xuất chủ yếu	x	x
a) Diện tích vườn cây cao su	ha	4.348,15
- Vườn cây cao su sản xuất kinh doanh	ha	3.966,23
- Chăm sóc vườn cây cao su kiến thiết cơ bản	ha	381,92

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
b) Sản lượng mũ cao su SVR3L		
- Mũ cao su SVR3L tồn kho đầu năm	tấn	1.061
- Mũ cao su SVR3L Công ty sản xuất	tấn	5.470
- Mũ thu mua tiêu điền	Tấn	1.000
- Mũ cao su SVR3L chế biến trong năm	tấn	6.470
- Mũ cao su SVR3L tồn kho cuối năm	tấn	1.131
2. Sản lượng sản phẩm tiêu thụ chủ yếu	tấn	6.400,00
a) Mũ cao su SVR3L bán trong nước	tấn	6.400,00
b) Mũ cao su SVR3L bán xuất khẩu	tấn	0,00
3. Giá thành đơn vị sản phẩm chủ yếu	x	x
a) Giá thành toàn bộ mũ SVR3L đại điền	đồng/tấn	35.000.000
4. Giá bán các sản phẩm chủ yếu	x	x
a) Giá bán bình quân mũ SVR3L trong nước	đồng/tấn	37.000.000
b) Giá bán bình quân mũ SVR3L xuất khẩu	đồng/tấn	0
II. Kết quả kinh doanh	x	x
1. Tổng doanh thu	triệu đồng	320.000
a) Doanh thu mũ cao su	triệu đồng	240.000
b) Thu nhập hoạt động khác	triệu đồng	80.000
2. Tổng chi phí	triệu đồng	280.000
a) Chi phí mũ cao su	triệu đồng	232.000
b) Chi phí hoạt động khác	triệu đồng	48.000
3. Lãi trước thuế thu nhập doanh nghiệp	triệu đồng	40.000
a) Lãi kinh doanh mũ cao su	triệu đồng	8.000

- Tổng sản phẩm: 5.936,37 tấn.
 - Lao động thực tế sử dụng bình quân: 1.221 người.
 - Số viên chức quản lý chuyên trách : 6 người.
- Trong đó:
- + Người đại diện vốn Nhà nước 2 người.
 - + Không đại diện vốn Nhà nước 3 người.
 - + Trưởng ban kiểm soát : 1 người.
 - Lợi nhuận kế hoạch : 8.000.000.000 đồng.

2. Xác định quỹ lương kế hoạch năm 2023:

* Quỹ lương của người quản lý chuyên trách đại diện vốn Nhà nước:
 - Lợi nhuận 8 tỷ < 50 tỷ. Căn cứ khoản 1 điều 13 thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 chọn mức lương bình lương bình quân kế hoạch bằng mức lương cơ bản.

- Quỹ lương : $36.000.000 * 2 * 12 = 864.000.000$ đồng.

* Quỹ lương của người quản lý chuyên trách không đại diện vốn Nhà nước:

- Mức lương bình quân kế hoạch : trên cơ sở cân đối với tiền lương người đại diện vốn nhà nước, xác định tiền lương cụ thể như sau : 32.000.000 đ.

- Quỹ lương : $32.000.000 * 3 * 12 = 1.152.000.000$ đồng.

* Quỹ thù lao của người quản lý Công ty chuyên trách kiêm nhiệm chức danh thành viên HĐQT:

- Mức lương bình quân kế hoạch của người quản lý Công ty chuyên trách : $(36.000.000 * 2 + 32.000.000 * 3) / 5 = 33.600.000$ đồng/tháng.

- Mức thù lao bình quân kế hoạch :

$33.600.000 * 20\% = 6.720.000$ đồng/tháng.

- **Quỹ thù lao : $6.720.000 * 3 * 12 = 241.920.000$ đồng.**

* Quỹ Lương, thù lao của Ban kiểm soát :

+ Mức lương bình quân kế hoạch của Trưởng ban Kiểm soát: 32.000.000 đồng/tháng.

- Mức lương bình quân kế hoạch của Trưởng ban Kiểm soát : 32.000.000 đồng/tháng.

Quỹ lương: $32.000.000 * 12 = 384.000.000$ đồng.

- Mức thù lao bình quân kế hoạch của kiểm soát viên kiêm nhiệm:

$32.000.000 * 20\% = 6.400.000$ đồng.

Quỹ thù lao của kiểm soát viên kiêm nhiệm:

$6.400.000 * 2 * 12 = 153.600.000$ đồng.

- **Quỹ tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát :**

$384.000.000 + 153.600.000 = 537.600.000$ đồng



* **Quý lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách và quỹ tiền lương, thù lao của ban Kiểm soát:**

$864.000.000 + 1.152.000.000 + 241.920.000 + 537.600.000 = 2.795.520.000 \text{ đ}$

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



[Signature]
Thái Công Cần

CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU SÔNG BÉ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
Chon Thành, ngày 19 tháng 04 năm 2023

Số: 05../TTr-CSSB-HĐQT

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo về tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị và
Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé.

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020 của Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-CSSB-HĐQT ngày 04/07/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé;

Căn cứ Công văn số 503/UBND-KGVX ngày 20/02/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc tiếp nhận quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 và kế hoạch lao động, tiền lương năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé;

Thực hiện điểm k khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều 22 Quyết định số 34/QĐ-CSSB-HĐQT: Đại hội đồng cổ đông có quyền "Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác của HĐQT, BKS".

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo về tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023, như sau:

1. Quỹ lương, thù lao thực hiện năm 2022

* Quỹ lương của người quản lý chuyên trách đại diện vốn nhà nước:

- Lợi nhuận 8,145 tỷ < 50 tỷ. Căn cứ khoản 1 điều 13 thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 mức tiền lương thực hiện bằng mức lương cơ bản.

+ Mức lương bình quân thực hiện :

$(36.000.000 * 2) / 2 = 36.000.000$ đồng.

+ Căn cứ điểm b khoản 2 điều 15 thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH, lợi nhuận thực hiện đạt 101,816% so với kế hoạch, Công ty chọn mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm 3%:

$36.000.000 * 3\% = 1.080.000$ đồng.

- Quỹ lương thực hiện: $(36.000.000 + 1.080.000) * 2 * 12 = 889.920.000$ đ (1)

* *Quỹ lương của người quản lý chuyên trách không đại diện vốn Nhà nước:*
- Mức lương bình quân thực hiện: trên cơ sở cân đối với tiền lương người đại diện vốn nhà nước, xác định tiền lương cụ thể như sau :

- + Phó Tổng giám đốc : 32.000.000 đ/tháng.
- + Thành viên HĐQT : 32.000.000 đ/tháng.
- + Kế toán trưởng : 32.000.000 đ/tháng.

Mức lương bình quân thực hiện :
 $(32.000.000 \times 3) / 3 = 32.000.000$ đồng.

+ Căn cứ điểm b khoản 2 điều 15 thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH, lợi nhuận thực hiện đạt 101,816% so với kế hoạch, Công ty chọn mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm 3%:

$32.000.000 \times 3\% = 960.000$ đồng.

- **Quỹ lương thực hiện: $(32.000.000 + 960.000) \times 3 \times 12 = 1.186.560.000$ đ (2).**

- **Quỹ thù lao:**

+ Mức lương bình quân của người quản lý Công ty chuyên trách :

$(36.000.000 \times 2 + 32.000.000 \times 3) / 5 = 33.600.000$ đồng/tháng.

+ Mức thù lao thực hiện : $33.600.000 \times 20\% = 6.720.000$ đồng/tháng.

Quỹ thù lao : $6.720.000 \times 3 \times 12 = 241.920.000$ đồng (3).

* *Quỹ lương của người quản lý chuyên trách không đại diện vốn Nhà nước (Trưởng Ban Kiểm soát), quỹ thù lao của Ban Kiểm soát:*

- Quỹ tiền lương của Trưởng Ban Kiểm soát:

+ Mức lương bình quân thực hiện: 32.000.000 đồng.

+ Căn cứ điểm b khoản 2 điều 15 thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH, lợi nhuận thực hiện đạt 101,816% so với kế hoạch, Công ty chọn mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm 3%:

$32.000.000 \times 3\% = 960.000$ đồng.

Quỹ lương thực hiện của Trưởng Ban Kiểm soát:

$(32.000.000 + 960.000) \times 12 = 395.520.000$ đồng (4).

- Quỹ thù lao của Ban kiểm soát:

Mức thù lao bình quân thực hiện của kiểm soát viên kiêm nhiệm:

$32.000.000 \times 20\% = 6.400.000$ đồng

Quỹ thù lao của Ban kiểm soát: $6.400.000 \times 2 \times 12 = 153.600.000$ đồng (5).

* **Xác định Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý chuyên trách và ban kiểm soát năm 2022: $(1) + (2) + (3) + (4) + (5) = 2.867.520.000$ đồng.**

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2023:

2.1. Các chỉ tiêu xác định tiền lương bình quân:

* Kế hoạch:

- Tổng doanh thu: 320.000.000.000 đồng.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
b) Lãi hoạt động khác	triệu đồng	32.000
4. Thuế và các khoản nộp ngân sách	triệu đồng	25.000
a) Thuế giá trị gia tăng	triệu đồng	5.690
b) Thuế thu nhập doanh nghiệp	triệu đồng	8.000
c) Các khoản thuế, phí phải nộp khác	triệu đồng	1.000
d) Cổ tức vốn nhà nước nộp ngân sách	triệu đồng	10.310
5. Vốn điều lệ	triệu đồng	813.962
6. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	hệ số	0,049

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Thái Công Cần

